**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 10 - Năm học: 2024 - 2025**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**Khung ma trận đề tự luận lớp 10**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU**  **Truyện ngắn hiện đại Việt Nam** | **1.5** | **2.5** | **2.0** |  | **60%** |
| **2** | **Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.** | **1.0\*** | **1.0\*** | **1.0\*** | **1.0\*** | **40%** |
| **Tỉ lệ %** | | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | **60%** | | **40%** | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**Môn: Ngữ văn Lớp 10 - Năm học: 2024 - 2025**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện ngắn** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,…  – Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  – Nhận biết được cốt truyện, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật…  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản; tóm tắt được văn bản  – Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, tình huống.  – Phân tích được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **Vận dụng:**  Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  – Rút ra được thông điệp từ văn bản. | **02** | **02** | **01** | **0** | **05** |
| **2,0** | **2,0** | **2,0** |  |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.** | **Nhận biết:**  **-** Xác định đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quan/ quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen/ quan niệm mang tính tiêu cực).  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Mô tả, lí giải được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen, quan niệm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | **1** | **01** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **1** | **1\*** | **6** |
| **Tỉ lệ Đ-H** | | | | **20%** | **20%** | **20%** |  | **100%** |
| **Tỉ lệ phần Làm văn** | | | | **1\***  **10%** | **1\***  **10%** | **1\***  **10%** | **1\***  **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **30%** | **30%** | **30%** | **10%** | **100%** |

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

**HẾT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (Năm học 2024 – 2025)**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11** *(Thời gian làm bài: 90 phút)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU**  **Thơ trữ tình hiện đại VN**  Thơ có yếu tố tượng trưng | **1.5 (2 câu)** | **2.5 (2 câu)** | **2.0 (1 câu)** |  | **60%** |
| **2** | **VIẾT**  (Nghị luận về một tác phẩm thơ) | **1.0\*** | **1.0\*** | **1.0\*** | **1.0\*** | **40%** |
| **Tỉ lệ %** | | **25** | **35** | **30** | **10** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | **60** | | **40** | |  |

***Lưu ý:***

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Gv ra đề bám sát yêu cầu cần đạt, tri thức ngữ văn, đặc trưng thể loại và các dạng câu hỏi trong các VB SGK.

- Phần viết văn bản nghị luận (4.0 điểm) bao gồm 4 mức độ nhận thức.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II (Năm học 2024 - 2025)**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 11** *(Thời gian làm bài: 90 phút)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | **ĐỌC HIỂU**  **Thơ hiện đại VN**  Thơ có yếu tố tượng trưng. | 1. **Nhận biết:**   - Nhận biết được một số yếu tố của thơ như: thể thơ, ngôn từ, giọng điệu, chi tiết/hình ảnh tượng trưng, gieo vần, ngắt nhịp, chủ thể trữ tình…  - Nhận biết được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ VB  - Chỉ ra và xác định BPTT | **1.5đ** |  |  |  | **60%** |
| 1. **Thông hiểu:**   - Phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị và vai trò của yếu tố tượng trưng, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết qua hình ảnh/câu thơ/văn bản.  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố thơ như: ngôn từ, vần, nhịp, hình thức bài thơ…  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong VB.  - Phân tích tác dụng của BPTT (chú ý BP lặp cấu trúc) |  | **2.5đ** |  |  |
| 1. **Vận dụng:**   - Rút ra thông điệp, bài học hoặc liên hệ, mở rộng, nhận xét, đánh giá, nêu tác động của vb đối với bản thân để viết đoạn văn (10 – 12 dòng) |  |  | **2.0đ** |  |
| **2** | **VIẾT** | **VĂN BẢN NL**  **VỀ MỘT BÀI THƠ**  ( | **Nhận biết:**  - Nhận biết được yêu cầu về kiểu bài.  - Nhận biết được vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giới thiệu VĐNL (tên tp, tg, kq nội dung, ý nghĩa tp)  - Luận điểm 1: Nêu được một số nét đặc sắc về nội dung như (chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, mạch cảm xúc, …)  - Luận điểm 2: Nêu được một số nét đặc sắc về nghệ thuật như (thể thơ, vần, nhịp, BPTT, hình ảnh tượng trưng, cấu tứ…)  - Khẳng định giá trị của tp hoặc nêu ý nghĩa của tp đối với bản thân/người đọc.  - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần.  **Vận dụng**:  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.  **Vận dụng cao**: Đánh giá giá trị của TPVH, phản đề, mở rộng liên hệ… | **1\***  **1.0đ** | **1\***  **1.0đ** | **1\***  **1.0đ** | **1\***  **1.0đ** | **40%** |
| **Tổng câu** | | |  | **2** | **2** | **1** | **1** | **6** |
| **Tỉ lệ % điểm** | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**HẾT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (Năm học 2024 – 2025)**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 12** *(Thời gian làm bài: 90 phút)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng %** |
| **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | Văn bản thông tin (ngoài SGK) | **5** | 2 | 10% | 2 | 20% | 1 | 10% | **40%** |
| **II** | **VIẾT** | Viết đoạn văn nghị luận xã hội | **1** | 5% | | 5% | | 10% | | **20%** |
| Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ | **1** | 10% | | 10% | | 20% | | **40%** |
| Tỉ lệ | | |  | 25% | | 35% | | 40% | | **100%** |
| Tổng | | | **7** | **100%** | | | | | | |

***Lưu ý:***

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Ra đề bám sát yêu cầu cần đạt, tri thức Ngữ văn, đặc trưng thể loại và các dạng câu hỏi trong các văn bản SGK.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (Năm học 2024 - 2025)**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 12** *(Thời gian làm bài:90 phút)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kỹ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | **Văn bản thông tin** | **\* Nhận biết:**  – Nhận diện, xác định được các chi tiết, dữ liệu trong văn bản.  – Nhận biết được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.  – Nhận biết được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,… được sử dụng trong văn bản.  **\* Thông hiểu:**  – Phân tích, lý giải được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  – Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề cua tác giả; lý giải được thái độ và quan điểm của người viết.  – Phân tích, lý giải được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản.  – Chỉ ra được hiệu quả, tác dụng của cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.  – Phân tích được vai trò và cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản.  **\* Vận dụng:**  Đánh giá được mức độ chính xác, tin cậy, tính hữu ích của thông tin, tri thức trong văn bản. | 2 câu | 2 câu | 1 câu |  |
| **II** | **VIẾT** | **Viết đoạn văn nghị luận xã hội** | **\* Nhận biết:**  – Giới thiệu được vấn đề nghị luận.  – Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  \* **Thông hiểu:**  – Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  – Kết hợp được lý lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  **\* Vận dụng:**  – Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận trong văn bản thông tin.  – Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận trong văn bản thông tin.  **\* Vận dụng cao:**  – Đánh giá được đặc sắc của vấn đề nghị luận.  – Có quan điểm riêng trong đánh giá, phê bình văn bản thông tin dựa trên trải nghiệm cá nhân.  – Thể hiện cá tính riêng trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
|  |  | **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ** | **\* Nhận biết:**  – Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  – Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.  – Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  – Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận  \* **Thông hiểu:**  – Phân tích được lý do và các phương diện liên quan đến vấn đề của tuổi trẻ.  – Kết hợp được lý lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  – Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **\* Vận dụng:**  – Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.  – Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **\* Vận dụng cao:**  – Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  – Vận dụng phù hợp, hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt được học ở chương trình, đặc biệt ở lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |

**HẾT**